

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **147** /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03/4/2025

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nguyên

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 610/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/2025/TB-TA ngày 27 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Ngọc T**, sinh năm 1977,

Địa chỉ: Số A N, phường N thành phố H, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thúy H**, sinh năm 1982,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số A N, phường N thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Cộng Hòa Á

- Người làm chứng: Anh Trần Ngọc D, sinh năm 2003, địa chỉ: Số A N, phường N thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Ông T, bà H và anh D đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt, biên bản lấy lời khai ông Trần Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thúy H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/8/2002. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mặt khác do công việc kinh doanh của ông bị thua lỗ dẫn đến nợ nần nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Tuy ở cùng nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, kinh tế riêng biệt từ năm 2014. Tháng 10/2024, ông đã làm đơn xin ly hôn bà Nguyễn Thúy H đến Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, bà H đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án thành phố H nhưng bà H không đến làm việc. Ngày 16/10/2024, bà H xuất cảnh đi nước ngoài, khi làm thủ tục đi nước ngoài bà H không bàn bạc gì với ông. Sau khi bà H đi nước ngoài thông qua con trai, ông mới biết bà H đi sang C Áo. Từ khi bà H đi không liên lạc gì về cho ông mà chỉ liên lạc với các con. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thúy H.

- Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là Trần Ngọc D, sinh ngày 22/01/2003 và Trần Thùy T1, sinh ngày 19/8/2005. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Ngọc D (là con đẻ bị đơn) trình bày: Mẹ anh là bà Nguyễn Thúy H hiện đang sinh sống tại C từ năm 2024 cho đến nay chưa về nước. Sau khi mẹ anh đi nước ngoài, anh đã được biết bố anh làm đơn xin ly hôn với mẹ anh. Anh đã trao đổi với mẹ anh về việc bố anh có đơn xin ly hôn nhưng mẹ anh không có quan điểm gì và xác định khi nào mẹ anh về nước sẽ giải quyết ly hôn. Hiện nay, mẹ anh đang đi làm xa nên các văn bản Tòa án gửi cho mẹ anh đề nghị nghị gửi cho anh và anh sẽ có trách nhiệm thông báo cho mẹ anh được biết.

** Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố H:*

Ông Trần Ngọc T và bà Nguyễn Thúy H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/8/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại địa phương, hiện nay bà H đang sinh sống ở nước ngoài địa phương không nắm được địa chỉ cụ thể của bà H. Ông T và bà H có 02 con chung Trần Ngọc D, sinh ngày 22/01/2003 và Trần Thùy T1, sinh ngày 19/8/2005. Ông T có đơn xin ly hôn với bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho ông Trần Ngọc T được ly hôn bà Nguyễn Thúy H; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông Trần Ngọc T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà Nguyễn Thúy H. Bà H hiện đang sinh sống và làm việc tại Cộng Hòa Á, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không cung cấp được địa chỉ của chị H tại Cộng Hòa Á. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu ông T và gia đình bà H cung cấp địa chỉ nhưng ông T và gia đình bà H không cung cấp được. Thông qua gia đình bà H xác định bà H có liên lạc về gia đình, bà H không cung cấp được địa chỉ và không gửi văn bản trình bày quan điểm. Do vậy, áp dụng Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

[1.3]. Tại phiên tòa ông T có đơn giải quyết xử vắng mặt; bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do; anh D có quan điểm xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T, bà H và anh D.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc T và bà Nguyễn Thúy H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/8/2002 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình

chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Tháng 10/2024, ông T đã có đơn xin ly hôn với bà H và đã được Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương thụ lý vụ án, bà H đã biết nhưng sau đó vẫn đi nước ngoài không trao đổi, bàn bạc với ông T. Từ khi đi nước ngoài, bà H không liên lạc với ông T mà chỉ liên lạc với các con. Ông T xác định, không còn tình cảm với bà H và có đơn xin ly hôn. Thông qua gia đình bà H đã biết việc ông T có đơn xin ly hôn nhưng có quan điểm gì và không có biện pháp để hàn gắn tình cảm, ông T vẫn cương quyết xin ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho ông T ly hôn bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung Trần Ngọc D, sinh ngày 22/01/2003 và Trần Thùy T1, sinh ngày 19/8/2005, hiện nay đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Trần Ngọc T được ly hôn bà Nguyễn Thúy H.

2. Về án phí: Ông Trần Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005352 ngày 22/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (ông T đã nộp đủ).

3. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Bà Nguyễn Thúy H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ

ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Ngọc Châu, TP. Hải Dương
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

